

## QUY ĐỊNH

**Về tổ chức và quản lý đào tạo hình thức Vừa làm vừa học**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 857 /QĐ-ĐHM ngày 23 tháng 7 năm 2015  
của Hiệu trưởng trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định việc đào tạo bậc đại học hình thức Vừa làm vừa học (VLVH), bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với người học các khóa đào tạo theo hình thức VLVH trình độ đại học, tại trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

#### **Điều 2. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu đào tạo; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình; bảo đảm yêu cầu liên thông với các chương trình đào tạo khác.

2. Chương trình VLVH trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình hệ chính quy theo hình thức tín chỉ. Nội dung chương trình VLVH phải đảm bảo các yêu cầu về nội dung của chương trình hệ chính quy cùng trình độ đào tạo.

#### **Điều 3. Học phần, tín chỉ và tín chỉ học phí**

##### **1. Học phần**

a) Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi học phần lý thuyết có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, mỗi học phần thực hành có khối lượng từ 1 đến 3 tín chỉ, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần được kết cấu riêng như một phần của học phần hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều học phần. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

b) Có 2 loại học phần: Học phần bắt buộc và học phần tự chọn

- Học phần bắt buộc:

Đây là các học phần trong Chương trình đào tạo (CTĐT) chứa đựng những nội dung chính yếu của ngành và chuyên ngành đào tạo mà sinh viên bắt buộc phải hoàn tất đạt để được xét tốt nghiệp.

- Học phần tự chọn:

Đây là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

c) Các quy định khác về học phần:

- Học phần tiên quyết: Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.
- Học phần học trước: Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.
- Học phần tương đương: là một hay một nhóm học phần thuộc CTĐT của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của ngành đào tạo.
- Học phần thay thế: được sử dụng khi một học phần có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.
- Học phần song hành: các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với học phần A.

## **2. Tín chỉ**

a) Tín chỉ là đơn vị qui chuẩn dùng để lượng hóa khối lượng kiến thức và khối lượng học tập, giảng dạy của một chương trình đào tạo. Tín chỉ đồng thời là đơn vị dùng để đo lường tiên độ học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ sinh viên đã tích lũy được trong quá trình đào tạo.

b) Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 – 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đề án, khoá luận tốt nghiệp.

c) Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

d) Căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm đào tạo của từng học phần, Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần trong mỗi chương trình đào tạo.

e) Một tiết học được tính bằng 50 phút.

## **3. Tín chỉ học phí**

a) Tín chỉ học phí là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy, học tập tính cho từng học phần.

b) Học phí được tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đã đăng ký nhân với mức tiền học phí của 01 tín chỉ.

c) Mức học phí do Hiệu trưởng nhà trường quy định cho từng bậc học, từng hình thức đào tạo và từng học phần trên cơ sở điều kiện học tập và mục tiêu đào tạo.

# **Chương II TUYỂN SINH**

## **Điều 4. Công tác tuyển sinh**

1. Điều kiện mở lớp, thủ tục mở lớp, công tác tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức Vừa làm vừa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đại học hình thức Vừa làm vừa học theo các hình thức tuyển sinh: Tuyển thẳng, thi tuyển và xét tuyển.

- Tuyển thẳng: Hình thức tuyển thẳng được áp dụng đối với thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học và thí sinh theo quy định được tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thi tuyển sinh: Được tổ chức 4 đợt, vào các tháng 3, tháng 4, tháng 10 và tháng 11 hàng năm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển: Căn cứ vào kết quả kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia.

3. Các trường hợp đặc biệt được xem xét thu nhận vào học hệ đại học hình thức Vừa làm vừa học trên cơ sở các quy chế, quy định cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường gồm:

- Sinh viên chuyển đổi từ hình thức chính quy của Nhà trường sang hình thức Vừa làm vừa học.

- Sinh viên đại học của các trường đại học khác cùng khối ngành ở trong nước có nguyện vọng chuyển trường và đủ các điều kiện theo quy định.

- Sinh viên học dự thính là sinh viên đang học ở trường đại học khác, cán bộ đang công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, viện nghiên cứu và các tổ chức khác có nguyện vọng đăng ký học một số học phần. Để được nhập học, sinh viên học dự thính phải nộp hồ sơ xin học theo mẫu của Nhà trường; phải thực hiện các nhiệm vụ học tập, đóng học phí như sinh viên chính thức nhưng chỉ được cấp chứng nhận học phần, không được hưởng các quyền lợi và chế độ như sinh viên của Trường.

### **Điều 5. Diện trúng tuyển**

#### 1. Hình thức tuyển thẳng

Thí sinh thuộc diện trúng tuyển hình thức tuyển thẳng khi thỏa các điều kiện tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 2. Hình thức thi tuyển

Thí sinh thuộc diện trúng tuyển hình thức thi tuyển khi:

- Có đủ các điều kiện dự thi;

- Dự thi đủ số môn quy định;

- Đạt điểm trúng tuyển do Trường quy định cho từng đối tượng, theo từng khu vực;

- Mỗi môn thi phải có điểm lớn hơn 1,0 (một).

#### 3. Hình thức xét tuyển

Thí sinh thuộc diện trúng tuyển hình thức xét tuyển khi thỏa đủ điều kiện và đạt điểm trúng tuyển do Trường quy định.

### **Điều 6. Đăng ký nhập học và bảo lưu kết quả trúng tuyển**

1. Thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh phải làm thủ tục nhập học theo hướng dẫn và thời hạn ghi trong giấy báo nhập học của Trường. Thí sinh chỉ được coi là sinh viên chính thức hệ đại học hình thức Vừa làm vừa học thuộc một khóa/ngành đào tạo của Trường sau khi đã hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định và được cung cấp các thông tin sau:

- Mã số sinh viên

- Thẻ sinh viên

- Các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

2. Nếu có lý do chính đáng (như bệnh tật, tai nạn, hoàn cảnh khó khăn hoặc do thiên tai) thí sinh trúng tuyển có thể xin bảo lưu kết quả trúng tuyển. Trong trường hợp này, thí sinh trúng tuyển phải nộp đơn xin bảo lưu cho Trung tâm Đào tạo Từ xa (TTĐTTX) và phải được Hiệu trưởng chấp thuận cho phép bảo lưu.

3. Thời gian bảo lưu kết quả trúng tuyển không quá 01 năm. Muốn nhập học lại, thí sinh phải làm đơn xin nhập học kèm theo đơn chấp thuận cho bảo lưu và nộp cho Trung tâm Đào tạo Từ xa trước khi bắt đầu học kỳ mới ít nhất 01 tháng.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 7. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của một ngành chuyên môn ở trình độ đại học. Tùy theo chương trình, một khóa học hệ đại học theo hình thức Vừa làm vừa học, thời gian đào tạo được quy định như sau:

Chương trình đào tạo	Thời gian thiết kế Chương trình	Thời gian đào tạo quy định	Thời gian đào tạo tối đa
Đại học	4.5 – 5 năm	4.5 – 5 năm	9 – 10 năm
Liên thông từ cao đẳng lên đại học	2 – 3 năm	2 – 3 năm	4 – 6 năm
Văn bằng thứ 2	2 – 3 năm	2 – 3 năm	4 – 6 năm

2. Khung thời gian đào tạo của 1 năm học gồm 3 học kỳ. Thời gian tổ chức đào tạo mỗi học kỳ từ 13-15 tuần.

3. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo trên cơ sở phân bổ các học phần của chương trình đào tạo cho từng năm học, từng học kỳ.

4. Trên cơ sở kế hoạch tổ chức đào tạo của ngành học, sinh viên có thể đăng ký học vượt nhằm kết thúc sớm chương trình đào tạo hoặc giảm số lượng tín chỉ đăng ký tùy theo điều kiện và năng lực học tập của cá nhân.

5. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hình thức Vừa làm vừa học không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

6. Đối với những lớp đào tạo theo hợp đồng đặt lớp tại các đơn vị liên kết, Nhà trường căn cứ vào điều kiện tổ chức đào tạo cụ thể của từng đơn vị để quyết định lịch trình học cho phù hợp.

#### **Điều 8. Tổ chức lớp học**

1. Lớp học được tổ chức cho những sinh viên có cùng nhóm học phần giống nhau hoặc những sinh viên cùng khoá, ngành học để trao đổi học tập, nghiên cứu khoa học.

2. Có hai loại lớp học:

- Lớp học phần là lớp học được tổ chức cho những sinh viên đăng ký học cùng một học phần, có cùng thời khóa biểu của học phần trong cùng một học kỳ được tổ chức thành một lớp học phần. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

- Lớp khoá học là lớp học cố định được tổ chức theo ngành và theo từng khoá đào tạo. Lớp khoá học cũng được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định và do một cán bộ quản lý của trường và một cán bộ quản lý của đơn vị liên kết đào tạo (nếu lớp đặt tại địa phương) cùng phụ trách.

#### **Điều 9. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Đầu mỗi học kỳ, Trường thông báo cho sinh viên những thông tin về khung thời gian đào tạo, thời gian học tập và tổ chức thi. Danh mục các học phần và số

lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký học các học phần đó (nếu có) và số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần.

2. Sinh viên tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký trực tuyến học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó trên website [www.oude.edu.vn](http://www.oude.edu.vn) của Trường.

3. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong một học kỳ được quy định như sau: tối đa là 25 tín chỉ (không tính số tín chỉ của các môn đăng ký thi lại) và lịch trình học tập của các học phần không bị trùng nhau.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

#### **Điều 10. Đăng ký học vượt, học lại và học cải thiện điểm**

1. Sinh viên xếp loại học tập khá trở lên được đăng ký học vượt so với kế hoạch học tập dự kiến học kỳ, không hạn chế số tín chỉ đăng ký.

2. Sinh viên phải đăng ký học lại các học phần thực hành, thí nghiệm, đồ án có điểm thi kết thúc học phần dưới 5.0.

3. Đối với các học phần tự chọn có điểm dưới 5.0, sinh viên có thể đăng ký thi lại học phần đó hoặc chọn đăng ký học các học phần thay thế (trong số các học phần tự chọn của chương trình đào tạo) để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ.

4. Đối với học phần có điểm thi từ 5.0 trở lên, sinh viên có thể đăng ký học cải thiện điểm. Điểm thi cao nhất trong các lần đăng ký học sẽ được chọn để tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

5. Căn cứ kế hoạch học tập học kỳ và thời khóa biểu toàn Trường, sinh viên xác định các học phần học vượt, học cải thiện hoặc học lại phù hợp với điều kiện tiên quyết của học phần và thời gian của sinh viên. Thủ tục đăng ký giống như thủ tục đăng ký môn học lần đầu.

6. Trong trường hợp sinh viên vì lý do bất khả kháng và có đơn trình bày, Nhà trường sẽ xem xét và chấp thuận cho sinh viên được đăng ký theo học và thi các môn còn thiếu (với số lượng tín chỉ tương đương) tại các lớp chính quy.

#### **Điều 11. Chuyển trường, chuyển cơ sở đào tạo**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a. Trong thời gian học tập nếu sinh viên chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển trường để có điều kiện học tập;

b. Trường xin chuyển đến và Trường xin chuyển đi trong cùng một nhóm ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Trường chuyển đi và Trường chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

b. Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

c. Sinh viên ở ngoài vùng tuyển quy định của Trường.

3. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ theo quy định của Nhà trường.

4. Trên cơ sở so sánh chương trình đào tạo ở Trường xin chuyển đi và Trường xin chuyển đến, Hiệu trưởng Trường có sinh viên xin chuyển đến quy định năm học và số học phần mà sinh viên phải học bổ sung.

5. Thời gian tối đa được phép học tại Trường chuyển đến được tính từ khóa trúng tuyển.

6. Sinh viên được xét chuyển cơ sở đào tạo nếu có đủ các điều kiện sau:

a. Cơ sở liên kết đào tạo mà sinh viên đang theo học giải thể.

b. Trong thời gian học tập bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc gia đình chuyển nơi cư trú, phải chuyển đến cơ sở đào tạo gần nơi cư trú của gia đình hoặc nơi công tác để thuận lợi cho việc học tập.

### **Điều 12. Chuyển ngành**

Điều kiện để được chuyển ngành học:

1. Ngành chuyển đến có cùng khối thi hoặc khối xét tuyển với ngành chuyển đi và được sự chấp thuận của Nhà trường.

2. Điểm thi hoặc điểm xét tuyển của sinh viên phải bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển của ngành chuyển đến.

3. Thí sinh trúng tuyển vào những ngành có số lượng sinh viên quá ít không mở được lớp thì được chuyển sang ngành học có cùng khối thi/xét tuyển, nếu có nguyện vọng.

4. Sinh viên phải hoàn tất chương trình đào tạo của ngành chuyển đến trong khoảng thời gian tối đa được phép học của khóa/ngành trúng tuyển.

### **Điều 13. Bị buộc thôi học, tạm dừng học**

Sinh viên bị buộc thôi học, tạm dừng học nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

1. Trường hợp bị buộc thôi học

a) Đã hết thời gian đào tạo, kể cả thời gian kéo dài học tập tối đa theo qui định của Nhà trường nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp;

b) Vi phạm kỷ luật đến mức phải buộc thôi học.

2. Trường hợp bị buộc tạm dừng học

a) Tự ý bỏ học không lý do 4 học kỳ liên tục;

b) Không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường;

c) Vi phạm kỷ luật đến mức phải buộc tạm dừng học tập.

Kết thúc thời gian bị buộc tạm dừng học tập, sinh viên phải làm thủ tục theo hướng dẫn của Trung tâm Đào tạo Từ xa để tiếp tục học tập.

Thời gian tạm dừng học tập được tính vào thời gian cho phép kéo dài tối đa của khóa học được quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

### **Điều 14. Nghỉ học tạm thời, xin thôi học**

1. Trường hợp nghỉ học tạm thời

a) Sinh viên được quyền xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- Được điều động vào lực lượng vũ trang;

- Bị ốm đau hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

- Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường và không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Quy định này. Thời gian được tạm dừng tối đa là 3 học kỳ (1 năm học).

b) Sinh viên chỉ được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập sau khi đã làm thủ tục theo hướng dẫn của Trung tâm Đào tạo Từ xa và được Nhà trường chấp thuận.

c) Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian cho phép kéo dài tối đa của khóa học được quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

d) Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường phải làm thủ tục theo quy định của Nhà trường ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

## 2. Trường hợp xin thôi học

a) Khi sinh viên xin thôi học Nhà trường sẽ ra quyết định thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

b) Sinh viên xin thôi học phải làm thủ tục theo hướng dẫn của Trung tâm Đào tạo Từ xa và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định của Nhà trường.

## **Điều 15. Học đồng thời hai chương trình**

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Thời hạn đăng ký: sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên và trước học kỳ cuối chính khóa của chương trình thứ nhất;

c) Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất.

d) Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được xem xét bảo lưu điểm của những môn học có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

3. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, sau khi đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên làm thủ tục đăng ký học hai chương trình theo hướng dẫn của Trung tâm Đào tạo Từ xa và trong thời gian qui định của Nhà trường.

## **CHƯƠNG IV ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

### **Điều 16. Thang điểm đánh giá**

1. Kết quả học tập của một học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm hệ 4 được sử dụng để tham khảo và chuyển đổi khi có yêu cầu. Cách xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

Xếp loại		Thang điểm chính thức hệ 10	Thang điểm tham khảo hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Xuất sắc	9,10	A+	4,0
	Giỏi	8	A	3,5
	Khá	7	B+	3,0
	TB khá	6	B	2,5
	Trung bình	5	C	2,0
Không đạt	Yếu	4	D+	1,5
	Kém	Dưới 4	D	1,0
				F

2. Kết quả học tập của một giai đoạn: là điểm trung bình chung của các học phần đã được tích lũy sau mỗi học kỳ, năm học, khóa học.

3. Điểm trung bình chung tích lũy được tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

4. Cách xếp loại kết quả học tập của một giai đoạn được quy định như sau:

<b>Điểm trung bình chung tích lũy</b>		<b>Thang điểm 10</b>
<b>Xếp loại</b>		
<b>Đạt</b>	Xuất sắc	Từ 9 đến 10
	Giỏi	Từ 8 đến cận 9
	Khá	Từ 7 đến cận 8
	TB khá	Từ 6 đến cận 7
	Trung bình	Từ 5 đến cận 6
<b>Không đạt</b>	Yếu	Từ 4 đến cận 5
	Kém	Dưới 4

### **Điều 17. Đánh giá kết quả học tập học phần**

1. Việc đánh giá kết quả học tập một học phần theo phương thức đào tạo học chế tín chỉ chỉ mang tính chất đánh giá theo quá trình học tập và được cụ thể hóa qua các điểm thành phần của học phần. Số lượng các cột điểm thành phần, phương thức đánh giá cho từ điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần. Điểm thành phần của một học phần gồm có 2 thành phần chính sau:

- Điểm quá trình (có thể bao gồm các điểm như: điểm kiểm tra (tập trung) giữa kỳ; điểm đánh giá quá trình, mức độ tích cực tham gia hoạt động học tập; điểm bài tập lớn, tiểu luận...).

- Điểm kết thúc học phần (điểm thi (tập trung) cuối kỳ; điểm thực tập; luận văn tốt nghiệp).

2. Mỗi loại điểm có trọng số riêng do giảng viên phụ trách học phần quy định trong đề cương môn học thông báo cho sinh viên vào đầu mỗi học kỳ.

3. Điểm cuối cùng đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với một học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số tỷ lệ phần trăm của các điểm thi kết thúc học phần và điểm quá trình và được làm tròn đến số nguyên.

### **Điều 18. Tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần**

Cuối mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức một kỳ thi để thi kết thúc học phần. Những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần điểm thi không đạt ở các học kỳ trước phải đóng lệ phí thi lại theo quy định để được thi trả nợ, không hạn chế số lần thi lại đối với mỗi sinh viên.



## **Điều 19. Bảo lưu kết quả và miễn học học phần**

1. Điều kiện để sinh viên được xét miễn học theo diện bảo lưu kết quả (điểm) như sau:

a) Đối với sinh viên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng: có điểm học phần thi đạt kết quả từ 5 điểm trở lên phù hợp với các học phần trong chương trình đào tạo của Trường với số tín chỉ của học phần xin miễn phải bằng hoặc cao hơn sẽ được miễn học và thi. Sinh viên phải nộp bằng điểm, kèm bản sao bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng và làm đơn đề nghị xét miễn giảm học phần theo mẫu của Trung tâm Đào tạo Từ xa.

b) Đối với những sinh viên đã tốt nghiệp chương trình Trung cấp lý luận chính trị trở lên (do hệ thống trường Chính trị từ cấp tỉnh trở lên đào tạo) thì được miễn học và thi các môn Lý luận chính trị khi có kết quả đạt từ 5.0 trở lên.

c) Đối với trường hợp sinh viên thuộc diện chuyển trường hoặc chuyển từ nước ngoài về, việc xem xét tương đương miễn học, bảo lưu kết quả sẽ do Hiệu trưởng quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Khoa chuyên môn. Trường hợp này số tín chỉ được bảo lưu không được vượt quá 50% số tín chỉ trong chương trình đào tạo khóa/ngành. Học phần miễn học trường hợp này được ghi điểm miễn trong phần điểm bảo lưu.

2. Thời gian nhận đơn xét miễn giảm các học phần đã tích lũy

a) Đối với các học phần trong chương trình đào tạo: sinh viên phải làm thủ tục xin miễn giảm môn học (nếu có) trong thời gian một năm kể từ lúc bắt đầu nộp hồ sơ nhập học. Nhà trường chỉ xét miễn một lần cho toàn khóa học.

b) Đối với chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học, chứng chỉ ngoại ngữ phụ: sinh viên phải nộp trước học kỳ cuối cùng chính khóa của khóa học.

3. Thời hạn bảo lưu các học phần đã tích lũy

- Thời hạn bảo lưu của các học phần đã tích lũy không vượt quá thời gian tối đa của khóa học quy định ở Khoản 1 Điều 7 của quy định này.

- Đối với sinh viên đã có bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo trọn khóa của một bậc học thì các học phần đã tích lũy sẽ được bảo lưu vô thời hạn.

## **Điều 20. Số tín chỉ tích lũy và điểm trung bình tích lũy**

1. Điểm trung bình chung học kỳ (dưới đây viết tắt là TBCHK) và điểm trung bình chung tích lũy (dưới đây viết tắt là TBCTL) được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A = là điểm TBCHK hoặc ĐTBCTL

+  $a_i$  = là điểm của học phần thứ  $i$

+  $n_i$  = là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

+  $n$  = là tổng số học phần đăng ký học tập

2. Điểm trung bình tích lũy và số lượng tín chỉ tích lũy là chỉ số để đánh giá chung về tiến độ học tập và học lực của sinh viên – chỉ số để xếp hạng kết quả học tập trong quá trình học tại trường và là cơ sở để xếp hạng khi tốt nghiệp.

3. Số tín chỉ tích lũy được định nghĩa như sau:

a) Là tổng số tín chỉ của các học phần sinh viên đã đăng ký, đã học và có điểm tổng kết đạt yêu cầu (kể cả các học phần được bảo lưu, miễn học, miễn thi).

b) Số tín chỉ tích lũy được tính một lần cho mỗi mã số học phần có điểm đạt (cũng chỉ tính 1 lần cho các học phần cải thiện điểm) và tính cả các học phần được bảo lưu.

4. Điểm trung bình tích lũy được định nghĩa như sau :

a) Là điểm trung bình có hệ số (số tín chỉ của học phần) của tất cả điểm tổng kết các học phần mà sinh viên đã học kể từ khi nhập học cho đến thời điểm tính bao gồm cả các học phần được bảo lưu và có điểm.

b) Điểm trung bình tích lũy tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

5. Số tín chỉ tích lũy ngành được định nghĩa như sau: Là tổng số tín chỉ tích lũy của các học phần thuộc chương trình đào tạo của khóa - ngành (kể cả các học phần tương đương hoặc thay thế cho học phần có trong chương trình đào tạo khóa/ngành).

6. Điểm trung bình chung học kỳ được sử dụng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học, khóa học.

7. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên, xếp hạng tốt nghiệp và xét cấp học bổng, khen thưởng theo quy định của Nhà trường.

#### **Điều 21. Phúc tra và khiếu nại điểm**

1. Đối với điểm thi giữa kỳ hay các điểm thi thành phần, sinh viên được khiếu nại trực tiếp với giảng viên phụ trách học phần khi công bố điểm trên lớp. Sinh viên sẽ không còn quyền khiếu nại sau khi bảng ghi điểm đã nộp về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

2. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý học vụ, sinh viên có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng kiểm tra lại các cột điểm tương ứng.

#### **Điều 22. Thông báo điểm và xác nhận kết quả học tập**

1. Các cột điểm thành phần được giảng viên phụ trách học phần thông báo cho sinh viên trên lớp hoặc trên website [www.oude.edu.vn](http://www.oude.edu.vn) của Trường.

2. Bảng điểm gốc được lưu tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Điểm thi được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Trường, sinh viên theo dõi trên website của Nhà trường để biết kết quả học tập của cá nhân.

3. Trong quá trình học, sinh viên có quyền đề nghị Nhà trường cấp bằng điểm chính thức của một hay nhiều học kỳ đã học.

4. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng điểm thể hiện kết quả của toàn bộ quá trình học tập của sinh viên theo chương trình đào tạo khóa/ngành tại Trường.

## **CHƯƠNG V XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 23. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:
  - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập;
  - Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo mỗi khóa/ngành;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học phải đạt từ 5.0 trở lên;
- Có đơn gửi Trung tâm Đào tạo Từ xa đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Căn cứ vào kế hoạch xét tốt nghiệp hàng năm, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 23 để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

3. Căn cứ vào biên bản và đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

#### **Điều 24. Cấp bằng tốt nghiệp, xếp hạng tốt nghiệp**

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính. Bảng điểm ghi thêm tên chuyên ngành (hướng chuyên sâu).

2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình trung tích lũy của các học phần quy định cho ngành đào tạo. Cách phân loại được quy định tại Khoản 4 Điều 16 của quy định này.

3. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá đạt xuất sắc, hạng tốt nghiệp sẽ bị giảm một cấp nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có thời gian học tập vượt quá một học kỳ so với thời gian thiết kế.
- Có số tín chỉ phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn khoá học.

- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo cấp trường trở lên.

4. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm vừa ghi ngành đào tạo chính, vừa ghi chuyên ngành đào tạo.

#### **Điều 25. Thủ tục quản lý và cấp văn bằng tốt nghiệp**

1. Căn cứ vào quyết định và danh sách sinh viên tốt nghiệp được Hiệu trưởng ký duyệt, Trung tâm Đào tạo Từ xa lập kế hoạch in ấn và thông báo thời gian cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

2. Trong thời gian chờ nhận văn bằng tốt nghiệp, sinh viên có thể nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời để sử dụng theo yêu cầu của cá nhân.

3. Văn bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần cho sinh viên tốt nghiệp. Trường hợp bị mất hoặc bị hỏng, sinh viên có thể nộp đơn xin cấp bản sao văn bằng tốt nghiệp theo hướng dẫn của Trung tâm Đào tạo Từ xa.

#### **Điều 26. Bảo lưu kết quả học tập và chuyển loại hình đào tạo**

1. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa hết thời gian tối đa cho phép học ở bậc đại học, được bảo lưu các học phần có kết quả từ điểm 5.0 trở lên. Trong thời gian tối đa được phép học quy định tại Khoản 1 Điều 7, sinh viên được trở về Trường đăng ký học và thi lại cho những học phần bị điểm dưới 5.0.

2. Những sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học nhưng không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp sẽ được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua loại hình Đào tạo từ xa theo quy định của Nhà trường.

## **CHƯƠNG VI QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN**

### **Điều 27. Quyền của sinh viên**

1. Được cung cấp đầy đủ thông tin về: điều kiện dự thi; chương trình đào tạo; kết quả xét miễn giảm môn học; hình thức thi kiểm tra, đánh giá; quy chế đào tạo; quy chế học sinh, sinh viên; chuẩn đầu ra; học phí; văn bằng tốt nghiệp.
2. Được Nhà trường bảo đảm các điều kiện đào tạo với chất lượng như đã thông báo tuyển sinh và chuẩn đầu ra đã công bố.
3. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 28. Nghĩa vụ của sinh viên**

1. Nộp hồ sơ cho Nhà trường theo quy định; xuất trình bản chính các văn bằng hoặc chứng chỉ đã được cấp để đối chiếu với bản sao.
2. Đóng học phí đúng thời gian quy định.
3. Tuân theo những quy định của Nhà trường.
4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG VII CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

### **Điều 29. Xử lý vi phạm**

Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra như sau:

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Nhà trường.
2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

### **Điều 30. Điều khoản thi hành**

1. Quy định có hiệu lực từ ngày Hiệu trưởng ký ban hành.
2. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy định do Hiệu trưởng quyết định.

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Vũ Hữu Đức**